

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 5 năm 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Kiên;

2, Bà Nguyễn Thị Nhàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:* Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1993, địa chỉ: SN 268, đường Ng, phố N, phường Th, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** *Bị đơn:*** Anh Dương Văn Th, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn Th, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:*** Chị và anh Th lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng có đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 13/9/2013 tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 268, đường Ng, phố N, phường Th, thành phố Ninh

Bình, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, tháng 12 năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh Th về nhà bố mẹ đẻ anh Th ở thôn Th, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

+ Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 08/7/2014, khi vợ chồng ly thân chị có đưa cháu B vào sống cùng với bố mẹ chị ở tỉnh Kiên Giang, hiện nay cháu B đang sinh sống cùng với bố mẹ chị, khi nào giải quyết ly hôn xong chị sẽ vào tỉnh Kiên Giang sống cùng với bố mẹ chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu B vì từ khi ly thân đến nay anh Th không quan tâm chăm sóc gì đối với cháu, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại cuộc sống của con chị vẫn ổn định.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, chị không có yêu cầu gì.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

*** *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Dương Văn Th trình bày:*** Anh và chị Ngọc A kết hôn ngày 13/9/2013, trước khi cưới hai vợ chồng có thời gian yêu nhau, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Yên Dũng. Sau khi cưới vợ chồng về quê chị Ngọc A ở phường Th, thành phố Ninh Bình sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời gian anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2015 đến năm 2018, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm nhạt dần, nhiều bất đồng trong cuộc sống không tháo gỡ được. Tháng 02/2018 anh về nước, anh không về sống chung cùng chị Ngọc A mà về quê sống cùng bố mẹ anh. Lý do là vì anh đến gia đình chị Ngọc A tìm nhiều lần nhưng gia đình chị Ngọc A đã bán nhà chuyển đi nơi khác sống nên anh không có cách nào liên lạc được với vợ anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị Ngọc A xin ly hôn anh đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 08/7/2014, hiện đang sống cùng chị Ngọc A. Nay ly hôn anh đồng ý để chị

A nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Th trình bày: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ngọc A xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị Ngọc A. Về con chung, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Ngọc A cấp dưỡng Hiện anh làm kinh doanh thu nhập của anh mỗi tháng từ 12.000.000 đồng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại biên bản lấy lời khai cháu Dương Gia B trình bày:*** Cháu B là con bố Dương Văn Th và mẹ Nguyễn Thị Ngọc A, cháu B hiện học lớp hai trường tiểu học D, xã D, thành phố Ph, tỉnh Kiên Giang. Nguyện vọng của cháu B khi bố mẹ ly hôn là được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc A.

*** *Tài liệu, chứng cứ thu thập được:***

+ Tại bản xác minh với ông Dương Văn Th là bố đẻ anh Th cung cấp như sau: Năm 2013 gia đình ông tổ chức lễ cưới cho anh Th và chị Ngọc A, anh Th và chị Ngọc A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Quá trình chung sống giữa anh Th và chị Ngọc A có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh Th, chị Ngọc A sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, khả năng đoàn tụ là không còn, nay chị Ngọc A xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh Th và chị Ngọc A.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Dương Văn Th vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A và xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn anh Dương Văn Th. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu

Dương Gia B, sinh ngày 08/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc A nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con nuôi dưỡng vì chị A không yêu cầu. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử vắng mặt chị Ngọc A là phù hợp với quy định tại 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Dương Văn Th kết hôn ngày 13/9/2013 tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa Nguyễn Thị Ngọc A và anh Dương Văn Th là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị Ngọc A và anh Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Ngọc A và anh Th đều thừa nhận là do vợ chồng có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống không hòa hợp được, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay cả chị Ngọc A và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ngọc A xin ly hôn anh Th đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Ngọc A và anh Th có 01 con chung cháu Dương Gia B, sinh ngày 08/7/2014. Khi ly hôn chị Ngọc A và anh Th đều có nguyện vọng được nuôi con thì thấy: Theo như anh Th trình bày, tháng 01/2015 anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 2 năm 2018 anh Th về Việt Nam, khi về Việt Nam anh Th cũng không về chung sống cùng với chị Ngọc A và cháu B. Cháu B sinh tháng 8 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015 anh Th đi xuất khẩu lao động, lúc đó cháu B chưa được một tuổi, một mình chị Ngọc A nuôi con có sự giúp đỡ của mẹ đẻ chị Ngọc A. Do công việc của chị Ngọc A và việc

giải quyết ly hôn chưa xong, vì vậy chị Ngọc A có gửi cháu B về ở cùng với mẹ để chị Ngọc A tại tỉnh Kiên Giang, Hiện nay, cháu B đang học lớp hai và phát triển bình thường, mặt khác, nguyện vọng của cháu B muốn được ở với chị Ngọc Anh. Để cuộc sống của cháu B được chăm sóc ổn định, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của cháu B. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc A là phù hợp với khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngọc A không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngọc A và anh Th không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn anh Dương Văn Th.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 08/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc A nuôi dưỡng, chăm sóc.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ngọc A đã nộp theo biên lai số 0009434 ngày 17/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng,
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng,
- UBND xã Y, huyện Yên Dũng,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Thanh Hảo